

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 384/2026/DS-PT

Ngày: 07 – 7 – 2026

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thái Bình và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 31/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 256/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 65/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số C đường N, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang V, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường N, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/3/2025). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số E đường Đ, tổ C, thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số C đường N, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang V, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường N, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/3/2025). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo ông Đặng Quang V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Vào ngày 20/6/2021, bà Nguyễn Thị Thu H với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Đ có mượn của bà Trần Thị T số tiền 1.738.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay tiền là để xây dựng nhà hàng tiệc cưới và hẹn khi nào hoàn thành xong việc xây dựng nhà hàng sẽ trả lại. Sau khi nhận tiền, bà H có viết giấy tay biên nhận, ký và đóng dấu của Công ty TNHH MTV Đ. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà H không xây dựng nhà hàng tiệc cưới và cũng không trả nợ cho bà T, mặc dù bà T đã liên hệ đòi rất nhiều lần. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Đ phải trả lại số tiền 1.738.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Chỉ yêu cầu tính lãi khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngày 09/9/2025, nguyên đơn có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Bà Trần Thị T xác định lại mối quan hệ pháp luật tranh chấp đối với bị đơn là: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Xác định lại tư cách bị đơn trong vụ án: Nguyên đơn xác định lại tư cách của bị đơn trong vụ án là khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H. Bà Trần Thị T yêu cầu cá nhân bà H là người trực tiếp vay tiền nên bà H phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H1.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Đ. Bà quen biết bà Trần Thị T từ năm 2020 do bà T thường ở tại “nhà nghỉ” của bà. Vào năm 2021, bà T làm ăn thua lỗ nên nhờ bà viết giấy mượn tiền để về giải thích, đối phó với chồng con về việc làm ăn thua lỗ. Do đó vào ngày 20/6/2021, tại nhà của bà (Cũng là Công ty TNHH MTV Đ), bà đã viết “Giấy biên nhận” mượn bà T số tiền 1.738.000.000 đồng, thực tế bà không vay và không nhận tiền của bà T. Sau đó, bà nghe thông tin bà T dùng “Giấy biên nhận ngày 20/6/2021” nói với mọi người rằng bà có nợ bà T số tiền 1.738.000.000 đồng. Do đó bà T có quyền bán đất của Công ty TNHH MTV Đ. Khi biết được sự việc trên thì bà đã yêu cầu bà T phải trả lại Giấy biên nhận ngày 20/6/2021 và bà đã xé bỏ giấy biên nhận này. Nay bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không vay mượn tiền của bà T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày: Số tiền của bà Trần Thị T cho bà Nguyễn Thị Thu H vay là tài sản chung

của ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Trần Thị Tuyết . Vì vậy yêu cầu bà H phải trả tiền cho bà T và ông H1.

***/ Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 267; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với Công ty TNHH MTV Đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc H1 số tiền 1.738.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, ba mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án; Các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Khoản nợ tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 09 – 9 - 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (Cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng với khoản nợ trong vụ án này là hai khoản nợ khác nhau. Vì vậy Kiểm sát viên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy rằng: Ngày 20/6/2021, bà Nguyễn Thị Thu H viết “Giấy biên nhận” mượn bà Trần Thị T số tiền 1.738.000.000 đồng. Căn cứ vào tờ giấy gốc “Giấy biên nhận” đã nộp, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H trả nợ cho bà T số tiền 1.738.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cung cấp Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 09 – 9 - 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (Cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng buộc bà H trả nợ cho bà T số tiền 2.138.000.000 đồng, đồng thời bà cung cấp bản photo Giấy biên nhận viết tay ngày 20/6/2021 về số tiền vay 2.138.000.000 đồng.

[3] Do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đối chất giữa các đương sự. Theo bà H, tờ giấy biên nhận số tiền 2.138.000.000 đồng không phải do bà viết, còn giấy biên nhận số tiền 1.738.000.000 đồng bà H viết theo yêu cầu của bà T, thực chất không nhận tiền. Bà Trần Thị T cho rằng hai tờ biên nhận cùng ngày là khoản nợ khác nhau, bà H là người xé bỏ tờ biên nhận 2.138.000.000 đồng nên khi khởi kiện vụ án trước bà không cung cấp được bản gốc. Sở dĩ hai số tiền cuối giống nhau là do ý muốn vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H. Đồng thời Tòa án thu thập bản photo tờ “Giấy biên nhận” tại hồ sơ vụ án dân sự theo Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 09 – 9 - 2024 và các đương sự đều xác định không có bản gốc “Giấy biên nhận” 2.138.000.000 đồng.

[4] Qua xem xét hai giấy biên nhận cùng ngày 20/6/2021 trong hai hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy hai giấy biên nhận chỉ là sự thừa nhận các khoản nợ trước đó giữa các đương sự, không phải là hai hợp đồng vay tài sản riêng biệt. Nếu nguyên đơn cho rằng đây là hai hợp đồng vay tài sản là không đúng với bản chất của nội dung giấy mượn tiền vì giấy mượn tiền chỉ là tổng kết lại số nợ của bà H đối với bà T.

[5] Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 09 – 9 - 2024 đã có hiệu lực pháp luật thi hành, là chứng cứ của vụ án. Mặc dù nguyên đơn Trần Thị T không nộp giấy biên nhận số tiền 1.738.000.000 đồng vào trong hồ sơ (Của Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST) mà chỉ nộp bản photo tờ biên nhận số tiền 2.138.000.000 đồng, nhưng tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST đã xác định nội dung (Phần [7], trang 9 của bản án): Bà H thừa nhận có viết tờ giấy biên nhận số tiền 1.738.000.000 đồng vào ngày 20/6/2021; Nội dung về số tiền 1.738.000.000 đồng đã được bản án này xác định là phần tiền của tổng số tiền 2.138.000.000 đồng. Từ đó Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.138.000.000 đồng (Theo bản photo giấy biên nhận về số tiền 2.138.000.000 đồng). Tờ biên nhận ngày 20/6/2021 ghi nhận về số tiền 2.138.000.000 đồng đã bao gồm 1.738.000.000 đồng tiền vay và 400.000.000 đồng tiền mua ô tô, còn tờ giấy biên nhận về số 1.738.000.000 đồng chỉ ghi nhận là số tiền vay 1.738.000.000 đồng. Do đó trong cùng ngày không thể viết cùng lúc hai biên nhận thừa nhận số nợ giống nhau hoàn toàn.

[6] Như vậy HĐXX xác định số tiền 1.738.000.000 đồng tại biên nhận ngày 20/6/2021 là số tiền đã được tính trong biên nhận cùng ngày với tổng số tiền 2.138.000.000 đồng. Nội dung số tiền 1.738.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 09 – 9 - 2024 nên việc nguyên đơn tiếp tục dùng biên nhận 1.738.000.000 đồng này để khởi kiện bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Như vậy, qua xem xét toàn bộ hồ sơ của cấp sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ mới phát sinh tại phiên tòa dân sự phúc thẩm, bị đơn kháng cáo đã cung cấp chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên phần án phí được sửa lại. Người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm được trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Căn cứ:

- Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 124, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Tuyên xử:

3.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với Công ty TNHH MTV Đ.

3.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc H1 số tiền 1.738.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, ba mươi tám triệu đồng).

3.3. Về chi phí trưng cầu giám định: Bà Nguyễn Thị Thu H phải tự chịu số tiền 6.000.000 đồng (Bà H đã nộp số tiền này).

3.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 64.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 32.070.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005260 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Lâm Đồng).

3.5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp được trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008073 ngày 11/11/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/7/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV17 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Phương

